

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 7 - 2025

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Cường Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thu và bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2025 và số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 2003 (Có mặt);

HKTT: Thôn K, xã N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (nay là khu K, phường N, tỉnh Bắc Ninh);

Bị đơn: Anh Lê Đức D, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

HKTT: Thôn C, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V. Địa chỉ: Xã Đ, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Đức D vào ngày 01 tháng 7 năm 2021, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh), khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn xong, vợ chồng về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh D tại thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận, đến khoảng tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Mâu

thuần vợ chồng thì hai bên gia đình có biết và có khuyên bảo, hoà giải mâu thuẫn nhưng không thành. Chị và anh D ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Đắc D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 27/8/2021. Khi ly hôn chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 2 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị xin chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lê Đắc D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Phương A vào ngày 01 tháng 7 năm 2021, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh), khi đăng ký kết hôn cả hai đều tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh tại thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận, đến khoảng tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân với nhau đó cho đến nay. Nay chị Phương A làm đơn xin ly hôn, anh xác định bản thân không còn tình cảm vợ chồng với chị Phương A nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 27/8/2021. Hiện các cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh. Khi ly hôn anh ủy quyền nuôi con cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị N hiện đang chăm sóc và nuôi 2 con cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến, đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương A. Xử cho chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn với anh Lê Đắc D.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 27/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Phương A nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh D có quyền thăm nom con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương A có đơn xin ly hôn theo đúng mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Anh Lê Đắc D hiện thường trú tại thôn C, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là chị Lê Đắc D vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa vào các ngày 05/6/2025 và ngày 30/6/2025, tại phiên tòa hôm nay bị đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Đắc D theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Đắc D kết hôn vào ngày 01/07/2021 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Khi kết hôn anh chị đủ điều kiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Đắc D là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, chị Phương A cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống còn anh D cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay.

Tại phiên toà, chị Phương A xác định vợ chồng đến nay không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Đắc D. Anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời trình bày của anh về việc chị Phương A làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Phương A. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị Phương A và anh D đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn là có thật trên thực tế. Đến nay vợ chồng đã ly thân từ lâu, hôn nhân chỉ tồn tại trên hình thức, đời sống chung không thể kéo dài nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Phương A làm đơn xin ly hôn, anh Lê Đắc D đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương A, xử cho chị Phương A và anh D ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Đắc Minh Q, sinh ngày 27/8/2021. Khi ly hôn, chị Phương A đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh D ủy quyền nuôi các con cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị N hiện đang chăm sóc và nuôi 02 con cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng cần đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập tốt và ổn định nhất cho các cháu, để các cháu được phát triển đầy đủ về tâm, sinh lý và cũng đảm bảo nguyện vọng nuôi con chung. Hiện nay anh D đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V, có uỷ quyền cho mẹ đẻ anh ở nhà chăm sóc các cháu nên điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh D không được đảm bảo còn chị Phương A đang làm nhân viên tại Công ty CPO thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng và có nơi cư trú tại khu K, phường N, tỉnh Bắc Ninh đáp ứng đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Phương A được chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Lê Đắc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 269, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương A. Xử cho chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn với anh Lê Đức D.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo A, sinh ngày 01/6/2020 và cháu Lê Đức Minh Q, sinh ngày 27/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Phương A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phương A và anh D không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Phương A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị Phương A và anh D không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị Nguyễn Thị Phương A đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Biên lai BLTU/24 số 0002720 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trước sáp nhập). Chị Phương A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND/Phòng THADS khu vực 8 - Bắc Ninh;
- UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đỗ Cường Dũng